TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:62/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 04 - 2026
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Phạm Đức Hoàng

Bà: Quách Thị Lê

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quý Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân, khu vực 10 - TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân, Khu vực 10 - TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 16 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 36/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Ông Hà Văn L, sinh năm 1975
Số căn cước công dân: 038075012441
Địa chỉ: Thôn NB, xã NA, tỉnh TH.
- *Bị đơn:* Bà Lê Thị V, sinh năm 1976
Số căn cước công dân: 038176003774
Địa chỉ: Thôn NB, xã NA, tỉnh TH.

Tại phiên toà có mặt ông L vắng mặt bà V, Bà Lê Thị V vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn ông Hà Văn L trình bày: Ông và Bà Lê Thị V tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn ngày 10/10/2003 tại UBND xã NA, huyện NL (nay là UBND xã NA) tỉnh TH.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không cùng quan điểm nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi vã to tiếng, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không còn tiếng nói chung, khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, từ đầu năm 2022 cho đến nay ông và bà V sống ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay ông xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với Bà Lê Thị V.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và Bà Lê Thị V có 02 con chung là Hà Quang D; sinh ngày 08/11/1997 và Hà Thị T; sinh ngày 03/8/2000. Hiện tại các con chung của ông và bà V đều đã đã đến tuổi trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Hà Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ Bà Lê Thị V để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của ông L nhưng bà V không có mặt nên không có lời khai của bà V và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Bà Lê Thị V không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35 khoản 4 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, Luật hôn nhân và gia đình và Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho ông Hà Văn L được ly hôn với Bà Lê Thị V. Vợ chồng có 02 con chung là Hà Quang D; sinh ngày 08/11/1997 và Hà Thị T; sinh ngày 03/8/2000. Hiện tại các con chung đã đến tuổi trưởng thành nên đề nghị không xem xét giải quyết. Ông Hà Văn L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Hà Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với Bà Lê Thị V. Theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - TH.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng Bà Lê Thị V không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà V theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Bà Lê Thị V đã được triệu tập đến phiên hoà giải nhưng bà V không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Toà án đã triệu tập hợp lệ Bà Lê Thị V lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng bà V vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định vào các Điều 227, Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt Bà Lê Thị V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Văn L và Bà Lê Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 10/10/2003 tại UBND xã NA, huyện NL (nay là UBND xã NA) tỉnh TH nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn bất đồng về quan điểm sống, nên dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, việc này cũng phù hợp với nội dung Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân mà Tòa án đã tiến hành thu thập. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập bà V lên làm việc để bà V được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng bà V đều không có mặt, thể hiện bà V cố ý bỏ mặc, không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng, thời gian vợ chồng sống ly thân nhau cũng kéo dài (từ đầu năm 2022) như vậy hôn nhân trên thực tế không còn tồn tại. Đến thời điểm hiện tại ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa ông L và bà V đã lâm vào tình trạng bế tắc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông Hà Văn L được ly hôn với Bà Lê Thị V.

[3] Về con chung: Ông Hà Văn L và Bà Lê Thị V có 02 con chung Hà Quang D; sinh ngày 08/11/1997 và Hà Thị T; sinh ngày 03/8/2000, hiện tại các con chung của ông L và bà V đã đến tuổi trưởng thành ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung: Ông Hà Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết, Bà Lê Thị V không trình bày ý kiến về phần tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc ông Hà Văn L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28, 35, 39; 147; 227; 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản, Luật Hòa giải đối thoại.

Căn cứ: Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ: Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn L. Xử cho ông Hà Văn L được ly hôn với Bà Lê Thị V.

2. Về con chung: Ông Hà Văn L và Bà Lê Thị V có 02 con chung Hà Quang D; sinh ngày 08/11/1997 và Hà Thị T; sinh ngày 03/8/2000, hiện tại các con chung đã đến tuổi trưởng thành nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Ông Hà Văn L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0003408 ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh TH, ông Hà Văn L đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo. Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TH;
- VKSND khu vực 10- TH;
- THADS tỉnh TH;
- Các đương sự;
- UBND xã NA, tỉnh TH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Đức Hoàn **Quách Thị Lê** **Phạm Xuân Thành**